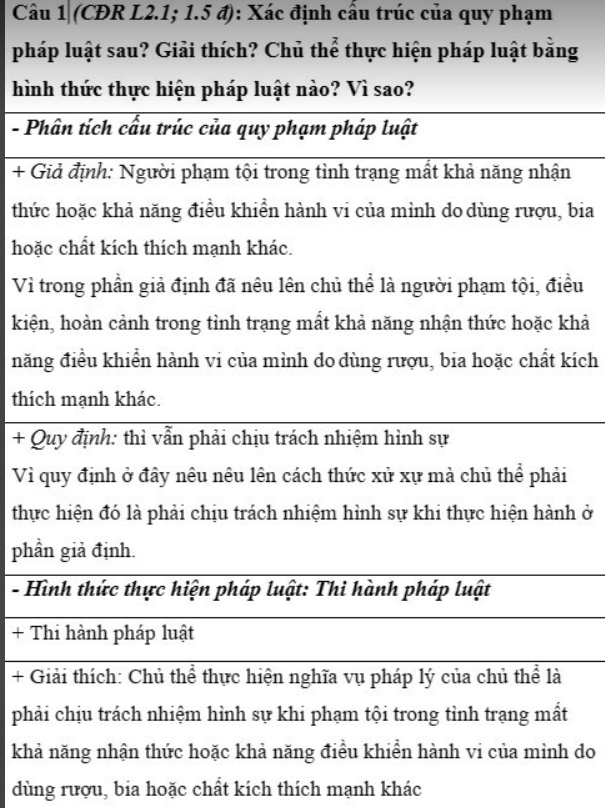
Nhóm 1: k có câu trả lời

Dựa vào nguồn gốc mà nhóm bạn đã trình bày thì xã hội cộng xã nguyên thuỷ đã có luật pháp chưa? Nếu chưa thì dựa vào đâu mà xã hội nguyên thuỷ vẫn duy trì được trật tự xã hội

Nhóm 2: Hãy xác định cấu trúc của quy phạm pháp luật sau? Giải thích? “Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự” ( Điều 13, BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)



Nhóm 3: A sinh viên một trường ĐH ở Hà Nội, do trộm cậy cửa nên bị lấy đi chiếc laptop trị giá 20 triệu . A tới các cửa hàng cầm đồ gần chỗ trọ mong tìm lại chiếc laptop đã mất. Tối muộn, A phát hiện laptop của mình đang được bán tại cửa hàng của T. A hỏi thông tin thì biết T mua được chiếc laptop từ một nam thanh niên. A ngỏ ý xin lại chiếc laptop với lý do đó là của mình mà kẻ gian đã trộm mất nhưng bị T từ chối. Hỏi giữa A và T có phát sinh quan hệ pháp luật không? Nếu có hãy phân tích cấu thành trong quan hệ pháp luật đó

Giải

- Giữa A và T có phát sinh quan hệ pháp luật

Phân tích các yếu tố cấu thành trong QHPL giữa A và T

Chủ thể: Là các cá nhân tổ chức có khả năng tham gia vào các QHPL có các quyền và nghĩa vụ pháp lý

- A: SV trường ĐH ko bị hạn chế các quyền và nghĩa vụ

- T: Chủ cửa hiệu cầm đồ ko bị hạn chế các quyền và nghĩa vụ

Chủ thể trong QHPL này đều là cá nhân và có đầy đủ NLCT

- Khách thể: là lợi ích mà các chủ thể hướng đến khi tham gia vào QHPL

- Khách thể trong tình huống là lợi ích vật chất cụ thể là quyền sở hữu đối với tài sản (chiếc laptop)

Nội dung của QHPL: là các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong QHPL

- Đối với A: Là quyền được bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản mà mình là chủ sở hữu, quyền yêu cầu người xâm hại quyền sở hữu chấm dứt hành vi xâm hại và quyền yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ. Nghĩa vụ chứng minh quyền sở hữu để được đảm bảo quyền.

- Đối với T: Nghĩa vụ chấm dứt xâm hại quyền sở hữu hợp pháp của A (khi A minh chứng được theo quy định pháp luật). Quyền yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ (thiệt hại về khoản tiền khi mua lại laptop) khi hành vi chiếm hữu đối với máy tính là vô tình.

Nhóm 4: Chị A (35 tuổi, nhận thức bình thường), là công nhân của Công ty sản xuất thiệp nghệ thuật. Ngày 25/2/2023, chị A vì vội về để đón con tan học nên khi đi đến ngã tư Khuất Duy Tiến, mặc dù đèn giao thông đang báo hiệu đèn đỏ nhưng chị vẫn phóng xe vượt lên mà không đợi đến đèn xanh. Với hành vi này, chị A bị cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt hành chính. Nhóm bạn hãy phân tích các yếu tố cấu thành của hành vi vi phạm pháp luật trên?

C2: Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là hành vi trái pháp luật có đồng nghĩa với mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật hay không? Vì sao? Cho ví dụ?

Giải

Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là hành vi trái pháp luật vì:

Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi xác định con người làm trái với quy định pháp luật, có lỗi, do chủ thể có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Trái pháp luật là hành vi thực hiện trái với quy định của pháp luật.

=> Như vậy, không phải hành vi trái pháp luật nào cũng là vi phạm pháp luật cả.

(Xét riêg về trạng thái tâm lí: không phải mọi trường hợp chủ thể có hành vi trái pháp luật cũng đều bị coi là có lỗi. Một hành vi mặc dù trái pháp luật nhưng được thực hiện trong trường hợp chủ thể không có sự lựa chọn nào khác (bất kì ai trong điều kiện đó cũng chỉ có thể có sự lựa chọn như thế) hoặc trong trường hợp chủ thể bị mất tự do ý chí thì chủ thể không bị coi là có lỗi, do vậy hành vi đó không bị coi là vi phạm pháp luật.)

Ví dụ: Người điên giết người, thì người điên thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng không phải hành vi vi phạm pháp luật vì người đó mất năng lực hành vi.

Nhóm 5:

Câu 2 Chị B làm nghề bán hàng online, chuyên kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. Gần đây, chị B nhập một lô son dưỡng ẩm của thương hiệu nổi tiếng Hàn Quốc về bán. Tuy nhiên sau khi sử dụng, nhiều khách hàng phản ánh son dưỡng có chất lượng kém, gây kích ứng da và nghi ngờ là hàng giả. Vì vậy, chị B đã gửi mẫu sản phẩm đi kiểm nghiệm và xác định đúng là hàng giả. Trong trường hợp này, chị B cần căn cứ vào những quy định của ngành luật nào để bảo vệ quyền lợi của mình với tư cách là người kinh doanh và người tiêu dùng?

Trả lời:

Trong trường hợp này, chị B cần căn cứ vào các quy định của các ngành luật sau để bảo vệ quyền lợi của mình:

Luật Dân sự: Điều khoản mua bán hợp đồng, quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bên cung cấp hàng giả, kém chất lượng.

Luật Thương mại: Quy định về hoạt động kinh doanh thương mại, mua bán hàng hóa và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Luật Sở hữu trí tuệ: Quy định về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như sản xuất, buôn bán hàng giả mạo nhãn hiệu.

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Quyền được cung cấp thông tin đầy đủ về hàng hóa và dịch vụ, quyền được bồi thường thiệt hại khi sử dụng hàng kém chất lượng.

=> Như vậy, chị B có thể căn cứ vào các quy định pháp luật này để có thể yêu cầu nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất của son dưỡng giả chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho mình và các khách hàng bị ảnh hưởng. Chị B cũng có thể đưa vụ việc ra cơ quan chức năng hoặc tòa án để đòi lại quyền lợi của mình. Ngoài ra, Chị B cũng cần kiểm tra kĩ các sản phẩm trước khi bán để đảm bảo chất lượng sản phẩm và tránh bán hàng giả, hàng nhái.

Câu 2 Chị B làm nghề bán hàng online, chuyên kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. Gần đây, chị B nhập một lô son dưỡng ẩm của thương hiệu nổi tiếng Hàn Quốc về bán. Tuy nhiên sau khi sử dụng, nhiều khách hàng phản ánh son dưỡng có chất lượng kém, gây kích ứng da và nghi ngờ là hàng giả. Vì vậy, chị B đã gửi mẫu sản phẩm đi kiểm nghiệm và xác định đúng là hàng giả. Trong trường hợp này, chị B cần căn cứ vào những quy định của ngành luật nào để bảo vệ quyền lợi của mình với tư cách là người kinh doanh và người tiêu dùng?

Trong đa phần trường hợp khi xảy ra TNGT, tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý, các luật sư và cơ quan tư vấn pháp luật thường sẽ áp dụng luật dân sự để giải quyết các tranh chấp này.

Tuy nhiên, luật dân sự không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

Tai nạn giao thông nghiêm trọng có liên quan đến hình sự: Trong các trường hợp tai nạn giao thông có dấu hiệu của tội phạm (ví dụ: tai nạn gây chết người, tai nạn do lái xe say rượu, tai nạn chạy trốn), luật hình sự sẽ được áp dụng để điều tra và xử lý tội phạm.

Tai nạn giao thông có thương tích nghiêm trọng: Trong các trường hợp tai nạn giao thông có thương tích nghiêm trọng, đòi hỏi sự can thiệp và giám sát của cơ quan nhà nước, luật hình sự có thể được áp dụng để xác định trách nhiệm và giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan.

Tai nạn giao thông liên quan đến bảo hiểm: Khi các bên có tranh chấp liên quan đến việc bồi thường bảo hiểm sau tai nạn giao thông, luật dân sự có thể không đủ để giải quyết các vấn đề phức tạp về bồi thường và các điều khoản hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp này, luật bảo hiểm có thể được áp dụng.

Tai nạn giao thông làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích công cộng: Trong trường hợp tai nạn giao thông gây ra thiệt hại lớn, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, môi trường, cơ sở hạ tầng, luật quy định về quyền và lợi ích công cộng có thể được áp dụng để bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng.

Những trường hợp trên thường đòi hỏi sự can thiệp của các cơ quan nhà nước và có tính phức tạp cao, do đó luật hình sự và các quy định khác có thể được áp dụng để đảm bảo tính công bằng và giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến TNGT một cách đầy đủ và hiệu quả.

Lý do:

Luật hình sự:

Luật hình sự quy định về các hành vi xâm phạm đến xã hội và nhà nước, ví dụ như: giết người, cướp tài sản, gây hại cho người khác, v.v.

Mục tiêu của luật hình sự là bảo vệ công chúng, đảm bảo an ninh và trật tự xã hội và trừng phạt những hành vi vi phạm pháp luật.

Trong vụ việc hình sự, người vi phạm (bị cáo) có thể bị truy tố bởi Nhà nước thông qua việc khởi tố tố tụng và sau đó sẽ được đưa ra xét xử tại tòa án.

Luật dân sự: Luật dân sự liên quan đến các tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức hay doanh nghiệp với nhau, như: tranh chấp hợp đồng, bất đồng về quyền sở hữu tài sản, v.v.

Mục tiêu của luật dân sự là giải quyết tranh chấp và xác định quyền lợi của các bên trong vụ việc, không liên quan đến việc xem xét những hành vi vi phạm xã hội.

Trong các vụ việc dân sự, bên tự nguyện khiếu kiện sẽ đưa vụ việc ra tòa án và tòa án sẽ xem xét và ra phán quyết dựa trên bằng chứng và luật lệ.

Nhóm 6:

Câu 1: Văn bản quy phạm pháp luật không dùng để điều chỉnh cho những quan hệ xã hội xuất hiện trước thời điểm mà văn bản quy phạm phát sinh hiệu lực. Đúng hay sai? Giải thích?

Câu 2 : Tại sao quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lại được coi là một yếu tố quan trọng trong một xã hội dân chủ?

Câu 2

Quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được coi là một yếu tố quan trọng trong một xã hội dân chủ vì một số lý do sau:

1. Nguyên tắc chính trị: Trong một xã hội dân chủ, quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là một nguyên tắc cơ bản. Điều này phản ánh quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia vào quản lý công việc chung và quyết định các chính sách công cộng.

2. Nguyên tắc bình đẳng: Quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo rằng mọi người có cơ hội được nghe và tham gia vào quyết định của chính phủ. Điều này đảm bảo rằng giọng nói của công dân được công nhận và đề cao, không phân biệt đối xử dựa trên tài chính, xã hội hay chính trị.

3. Sự minh bạch và trách nhiệm: Việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật từ công dân đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm của chính phủ. Thông qua việc tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật, công dân có thể tìm hiểu rõ hơn về quy trình quyết định, đảm bảo rằng các quyết định được đưa ra trên cơ sở một quá trình công bằng và nhất quán.

4. Khả năng tham gia chính trị: Quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cung cấp cơ hội cho công dân tham gia vào quyết định các vấn đề quan trọng đối với xã hội. Điều này tạo điều kiện cho việc thể hiện quyền tự do ngôn luận và sự tham gia chính trị của công dân, thúc đẩy sự phát triển của xã hội dân chủ.

Tóm lại, quyền công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được coi là một yếu tố quan trọng trong một xã hội dân chủ để bảo đảm quyền tự do, bình đẳng và chính trị của công dân.

Câu 1: Sai. Quy phạm pháp luật không được áp dụng ngược lại cho những sự việc xảy ra trước khi quy phạm đó có hiệu lực. Nguyên tắc này được gọi là nguyên tắc không có hiệu lực hồi âm. Nguyên tắc này bảo vệ quyền lợi và sự công bằng cho những cá nhân và tổ chức đã hành động theo quy định cũ mà không biết văn bản pháp luật mới.

Nhóm 8: k có câu trả lời

Câu 1: Khi nào di chúc bằng văn bản không công chứng, chứng thực được coi là hợp pháp?

Câu 2: Ông A và bà B kết hôn sinh được hai người con là C, D. Anh C kết hôn với E có con là C1 (sinh năm 2000 và có khả năng lao động. Anh C có một người con riêng là C2 (sinh năm 2001 và có khả năng lao động). Tháng 7/2020, ông A chết không để lại di chúc. Ông A có khối tài sản chung với bà B trị giá 180 triệu đồng. Tháng 3/2021, anh C chết có di chúc để lại toàn bộ di sản cho C1 và C2. Anh C có khối tài sản chung với vợ là 300 triệu đồng. Anh/chị hãy căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành chia di sản thừa kế của ông A và anh C trong tình huống nói trên.

Khi nào di chúc bằng văn bản không công chứng, chứng thực được coi là hợp pháp? Di chúc hợp pháp là khi người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật. Di chúc bằng văn bản không công chứng, chứng thực được coi là hợp pháp khi thỏa mãn các điều kiện về mặt nội dung và hình thức được quy định tại Bộ luật Dân sự 2015, các điều kiện như: nội dung di chúc, người làm chứng, hoàn cảnh lập di chúc,….

Nhóm 9: Việc giáo viên dạy thêm có được gọi là tham nhũng không? Giải thích?

Ngày nay, tình trạng dạy thêm, học thêm diễn ra khá phổ biến và chủ yếu ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số thành phố, thị xã, thị trấn của các tỉnh, thành khu vực đồng bằng. Để xác định việc giáo viên dạy thêm có bị coi là hành vi tham nhũng không cần căn cứ vào động cơ, mục đích của hành vi. - Dạy thêm không bị xác định là hành vi tham nhũng khi: Việc dạy thêm – học thêm được tổ chức đúng quy định, đáp ứng nhu cầu người học, người dạy và người học đều trên cơ sở tự nguyện (như một giao dịch dân sự: Bên “bán” kiến thức và bên “mua” kiến thức. Người thầy đã phải “bán sức lao động”, “bán chất xám”, phải mức lực và tốn thời gian để kiếm thu nhập. Thực tế, nhiều học sinh muốn nâng cao học lực, muốn được các thầy dạy thêm để “bịt” được lỗ hổng kiến thức đã tiến bộ trông thấy; thậm chí ngày nay, một số phụ huynh học sinh do bận công tác không có thời gian để trông nom con cái cũng mong muốn cho con đi học thêm với mục đích chính là “thuế” giáo viên trông nom con để mình yên tâm công tác. - Dạy thêm bị xác định là hành vi tham nhũng khi: Giáo viên mượn cớ dạy thêm để ép học sinh phải đi học thêm nhằm thu tiền; còn phụ huynh dù không muốn con mình đi học thêm nhưng lo ngại con không được đối xử tốt và sẽ yếu kém hơn những bạn đi học thêm, nên dù không muốn cũng không dám gửi đơn chống lại nhà trường và cô giáo; một số nơi, việc dạy thêm, học thêm phát triển thành “phong trào”.​